

Bản án số: 150/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 25 - 3 - 2022.
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Đệ.

Bà Ngô Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Xuân Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 25/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 428/2021/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐST – HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 0/01/1975, căn cước công dân số 00117501xxxx do Cục cảnh sát cấp ngày 08/10/2018.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn CD, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Ông Trần Văn K, sinh ngày 23/10/1972, giấy chứng minh nhân dân số 01175xxxx.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn CD, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã

TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 18/11/1995. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại thôn CD, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, ở chung cùng bố mẹ ông K một thời gian rồi sau đó ra ở riêng nhưng vẫn ở cùng thôn CD.

Theo bà N trình bày: Quá trình chung sống giữa ông bà nảy sinh mâu thuẫn vì ông K gia trưởng, hay cấm đoán vợ con giao du xã hội bên ngoài và nếu không vừa ý thì ông chửi bới, thậm chí đánh đập. Do bà sống kín đáo nên nếu có bị ông K đánh bà cũng nói là bị ngã, va đập nên không ai biết ông K đối xử với bà thế nào. Mâu thuẫn giữa ông bà trầm trọng từ đầu năm 2017, nguyên nhân là do ông K có quan hệ bất chính bên ngoài, bà đã làm đơn xin ly hôn nhưng ông K hứa sửa đổi và gia đình khuyên giải nên bà đã không nộp đơn xin ly hôn. Tuy nhiên sau đó chỉ được một thời gian, ông K vẫn tiếp tục giữ thái độ sống và mắc các lỗi lầm như cũ khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, căng thẳng. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021, ông K ở nhà trong với con thì bà trông nhà nghỉ ở ngoài còn ông K ở nhà nghỉ thì bà vào nhà trong với con. Bà vẫn cơm nước cùng ông nhưng ngủ riêng và không quan tâm, chia sẻ công việc với nhau. Sau lần hòa giải tại Tòa án, gia đình có đến khuyên giải ông bà nhưng ông bà vẫn sống ly thân. Bà xác định không thể tiếp tục chịu đựng cuộc sống như cũ, không thể chung sống có hạnh phúc vì bà không còn tình cảm, ông bà không thể khắc phục được mâu thuẫn và cải thiện quan hệ vợ chồng nên bà xin ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Theo ông Trần Văn K trình bày: Quá trình ông bà chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do ông bà hiểu lầm nhau. Ông có đánh bà nhưng là chuyện của nhiều năm trước còn vài năm gần đây ông không hề đánh vợ. Bà nghi ngờ ông ngoại tình nhưng thực tế không có. Từ tháng 4 năm 2021 ông bà vẫn ở chung nhà, vẫn ăn cơm cùng nhau chỉ có đến tối thì bà ra nhà nghỉ trông còn ông ở nhà trong và có thời gian do cháu nhỏ nên bà vào nhà trong trông cháu nhỏ thì ông ra trông nhà nghỉ. Thời gian qua ông đã nhờ gia đình đến động viên bà nhưng đến hôm nay bà vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn thì ông cũng không biết làm gì để cải thiện quan hệ giữa ông bà. Quan điểm của ông là không đồng ý ly hôn còn bà muốn làm thế nào thì tùy, ông không còn biện pháp nào khác để cải thiện quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông bà thống nhất xác định có hai con chung là: Trần Đức H, sinh ngày 20/7/1996 và Trần Hoàng L, sinh ngày 23/12/2002. Do các con chung ông bà đều đã thành niên, tự lập được về kinh tế nên ly hôn không phải giao nuôi con và cấp dưỡng vì vậy ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về nội dung này.

Về tài sản chung: Ông bà cùng thống nhất xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Bà N giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu đã trình bày với Tòa án. Bà xác định ông bà không thể khắc phục mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc nên kiên quyết xin ly hôn. Theo bà, ông K không đồng ý ly hôn nhưng không thay đổi được cách sống, đối xử với bà hơn nữa, ông đã bảo bà là ông không đến Tòa án nữa bà muốn làm thế nào tùy bà nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và giữ nguyên các ý kiến, yêu cầu khác đã trình bày tại Tòa án. Ngoài ra, bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N với ông Trần Văn K.

Về con: Ông bà có hai con chung là: Trần Đức H, sinh ngày 20/7/1996; Trần Hoàng L, sinh ngày 23/12/2002. Các con chung của ông bà đều đã thành niên, tự lập được về kinh tế nên ly hôn không phải giao nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Ông Trần Văn K đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, dành quyền kháng cáo cho ông theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N với ông Trần Văn K: Ông bà tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội ngày 18/11/1995 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, ông bà chung sống với nhau tại thôn CD, xã TD, huyện ĐA, thành phố Hà Nội, ở chung cùng gia đình ông K một thời gian thì ở riêng.

Quá trình chung sống, giữa ông bà đã nảy sinh mâu thuẫn từ năm 2017 và đến tháng 4 năm 2020 thì sống ly thân cho đến nay.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông bà xác định có những mâu thuẫn do nghi ngờ nhau về lòng chung thủy nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên, cả hai đều thừa nhận có việc ông K đánh bà N. Ông K xác định việc ông đánh bà xảy ra đã nhiều năm trước còn thời gian vài năm gần đây ông không đánh bà nhưng bà N xác định ông K gia trưởng hay chửi bới vợ con khi ông không vừa ý dẫn đến vợ chồng căng thẳng. Ông bà đã được gia đình hai bên hòa giải giúp đỡ nhưng không thể khắc phục mâu thuẫn. Bà N xin ly hôn, ông K không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra các biện pháp cụ thể để cải thiện quan hệ vợ chồng, ngoài việc đề nghị bà N cho ông thêm thời gian để sửa chữa. Tại phiên hòa giải của Tòa án, khi bà N vẫn giữ quan điểm ly hôn thì ông K bỏ về không tiếp tục tham gia tố tụng với lý do tùy bà muốn làm thế nào thì làm. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn của ông bà cho thấy trong quan hệ vợ chồng ông bà sống kín đáo nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của ông bà, tuy nhiên khoảng nửa năm trở lại đây theo dư luận tại địa phương thì ông bà có mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể địa phương không nắm được. Trong suốt thời gian tòa án giải quyết yêu cầu của ông bà, địa phương không nhận được bất kỳ đề nghị hòa giải, giúp đỡ nào của ông bà. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho ông bà nhưng bà N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn còn ông K không có biện pháp nào khác cải thiện quan hệ vợ chồng và bỏ về không tiếp tục tham gia hòa giải cũng không ký biên bản. Từ những yếu tố trên cho thấy mâu thuẫn giữa ông bà không thể cải thiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N với ông Trần Văn K là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông bà có hai con chung là: Trần Đức H, sinh ngày 20/7/1996; Trần Hoàng L, sinh ngày 23/12/2002. Các con ông bà đều khỏe mạnh, bình thường, có khả năng tự lập về kinh tế nên khi ly hôn không phải giao nuôi và cấp dưỡng là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung của vợ chồng: Ông bà thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị N phải chịu là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N với ông Trần Văn K. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Trần Văn K.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn K có hai con chung là: Trần Đức H, sinh ngày 20/7/1996 và Trần Hoàng L, sinh ngày 23/12/2002. Ly hôn, do các con của ông bà đều đã thành niên, có khả năng tự lập về kinh tế nên Tòa án không giải quyết về giao nuôi con và cấp dưỡng.

Về tài sản của vợ chồng: Ông bà thống nhất không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/004xxxxx ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Văn K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- THA dân sự huyện Đông Anh;
- UBND xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (GCN kết hôn số xx ngày 18/11/1995);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thanh